

Số: 87/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất trồng lúa của 21 hộ dân tại ấp Trà On và ấp Giồng Bèn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1951/STNMT-QLMT ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất trồng lúa của 21 hộ dân tại ấp Trà On và ấp Giồng Bèn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-STNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất trồng lúa của 21 hộ dân tại ấp Trà On và ấp Giồng Bèn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Nguyễn Nhâm (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại ấp Trà On và ấp Giồng Bèn, xã Huyền Hội,

huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Nguyễn Nhâm;
- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: GTVT, TN&MT, NN&PTNT;
- UBND huyện Càng Long;
- UBND xã Huyền Hội, huyện Càng Long;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Trà Vinh;
- Lưu: VT, NN *Minh* 04



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện
Nguyễn Quỳnh Thiện

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN “PHƯƠNG ÁN VẬN CHUYỂN ĐẤT DÔI DƯ SAU KHI THỰC
HIỆN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT TRỒNG LÚA CỦA 21 HỘ DÂN
TẠI ẤP TRÀ ON VÀ ẤP GIÒNG BÈN, XÃ HUYỀN HỘI,
HUYỆN CÀNG LONG”**

*(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Thông tin việc thực hiện cải tạo đất nông nghiệp của Dự án:

+ Dự án đã được Ủy ban nhân dân huyện Càng Long chấp thuận chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp tại Công văn số 2560/UBND-NN ngày 31 tháng 8 năm 2023 và chấp thuận điều chỉnh tại Công văn số 3967/UBND-NN ngày 29 tháng 12 năm 2023; phê duyệt phương án cải tạo đất nông nghiệp tại các Công văn: số 3210/UBND-KT, số 3212/UBND-KT, số 3213/UBND-KT cùng ngày 30 tháng 10 năm 2023 và chấp thuận điều chỉnh tại các Công văn: số 1097/UBND-KT ngày 05 tháng 4 năm 2024, số 1230/UBND-KT và số 1231/UBND-KT cùng ngày 15 tháng 4 năm 2024.

+ Công ty TNHH MTV Nguyễn Nhâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Càng Long thống nhất là đại diện cải tạo toàn bộ khu vực dự án tại Công văn số 4493/UBND-NN ngày 20 tháng 12 năm 2024.

- Tên Dự án: Phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất trồng lúa của 21 hộ dân tại ấp Trà On và ấp Giồng Bèn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Ấp Trà On và ấp Giồng Bèn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Chủ dự án: Công ty TNHH MTV Nguyễn Nhâm (Địa chỉ: Ấp Lưu Tư, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất:

Dự án thực hiện hoạt động cải tạo 117.314,90m² đất trồng lúa của 21 hộ dân ấp Trà On và ấp Giồng Bèn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (gồm 04 khu đất) và vận chuyển vật liệu dôi dư sau khi cải tạo để san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh với tổng khối lượng 23.463,18 m³, cụ thể như sau:

TT	Người sử dụng đất	Vị trí		Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích cải tạo (m ²)	Khối lượng vật liệu dôi dư vận chuyển sau cải tạo (m ³)
		Thửa đất	Tờ bản đồ			
I	Khu vực I, ký hiệu NN-1 (thuộc khu vực 2, ấp Trà Ôn theo chủ trương cải tạo tại Công văn số 3967/UBND-NN)			21.660	21.660	
1	Hồ Thị Mến	84	6	6.120	6.120	
2	Đỗ Văn Danh	50	6	4.890	4.890	
3	Hồ Văn Siêu	86, 87	6	7.570	7.570	
4	Lâm Thị Hậu	1082	6	3.080	3.080	
II	Khu vực II, ký hiệu NN-2 (thuộc khu vực 1, ấp Giồng Bèn theo chủ trương cải tạo tại Công văn số 3967/UBND-NN)			21.972,6	21.970,6	8.726,52
1	Lê Văn Bé Mười	1575	56	4.466,6	4.466,6	
2	Lê Dương Khang	378A, 378B	7	3.080	3.080	
3	Nguyễn Văn Cường	390	7	5.870	5.870	
4	Nguyễn Thị Sách	362	7	5.110	5.110	
5	Trần Thanh Hải	1434	7	2.193	2.193	
6	Nguyễn Thị Lâm	1458	7	1.253	1.253	
III	Khu vực III, ký hiệu NN-3 (thuộc khu vực 3, ấp Trà Ôn theo chủ trương cải tạo tại Công văn số 3967/UBND-NN)			43.403,3	43.403,3	8.680,66
1	Nguyễn Văn Xê	71	6	9.410	9.410	
2	Nguyễn Thị Liên	72A	6	5.860	5.860	
3	Huỳnh Hải Minh	3182	56	4.605,3	4.605	
4	Hồ Thị Lâm	1049	6	2.248	2.248	
5	Cao Văn Niệm	66	6	7.770	7.770	
6	Nguyễn Văn Phước	65	6	3.750	3.750	
7	Nguyễn Văn Sáu	72	6	9.760	9.760	
IV	Khu vực IV, ký hiệu NN-4 (thuộc khu vực 2, ấp Giồng Bèn theo chủ trương cải tạo tại Công văn số 3967/UBND-NN)			30.279	30.279	6.056
1	Nguyễn Thế Nghĩa	1259	7	5.776,9	5.776,9	
		1404	56			
2	Nguyễn Văn Khởi	243	7	4.800	4.800	
3	Nguyễn Văn Phải	242, 244	7	10.120	10.120	

TT	Người sử dụng đất	Vị trí		Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích cải tạo (m ²)	Khối lượng vật liệu dôi dư vận chuyển sau cải tạo (m ³)
		Thửa đất	Tờ bản đồ			
4	Phan Thị Lanh	3180	56	9.582,1	9.582,1	
Tổng cộng				117.314,9	117.314,9	23.463,18^(*)

Ghi chú:

(^{*}): Khối lượng vận chuyển bằng với khối lượng phát sinh từ quá trình cải tạo theo Phương án cải tạo của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long phê duyệt.

- Thời gian thực hiện:

+ Hoạt động cải tạo: 06 tháng, từ thời điểm đủ điều kiện vận chuyển.

+ Hoạt động vận chuyển (bao gồm cả vận chuyển đến nơi tiêu thụ và vận chuyển về bãi tập kết tạm): 18 tháng, từ thời điểm đủ điều kiện vận chuyển.

+ Thời gian thực hiện trong ngày: Sáng từ 07 giờ - 11 giờ; chiều từ 13 giờ - 17 giờ.

+ Thời gian thực hiện trong tháng: 30 ngày (kể cả ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ).

- Phương án cải tạo: Thực hiện theo phương án đã được Ủy ban nhân dân huyện Càng Long phê duyệt.

- Phương án vận chuyển:

+ Hoạt động vận chuyển vật liệu dôi dư từ khu đất cải tạo đến bãi tập kết: Sử dụng ô tô tự đổ (tải trọng 3,45 tấn) vận chuyển từ khu đất cải tạo đi trên bờ kênh Hai Quẩn, kênh Tây (Ô Na), kênh Giồng Gòn, kênh Huyện Hội 8 đến khu vực bãi tập kết.

+ Hoạt động vận chuyển vật liệu dôi dư từ khu đất cải tạo đến nơi tiêu thụ: Sử dụng ô tô tự đổ (tải trọng 3,45 tấn) vận chuyển từ khu đất cải tạo đi trên bờ kênh Hai Quẩn, kênh Tây (Ô Na), kênh Giồng Gòn, kênh Huyện Hội 8 đến Hương lộ 6, sau đó đi đến nơi san lấp mặt bằng.

+ Hoạt động vận chuyển vật liệu dôi dư từ khu tập kết đến nơi tiêu thụ: Sử dụng ô tô tự đổ (tải trọng 3,45 tấn) vận chuyển từ khu tập kết đi trên bờ kênh Huyện Hội 8 đến Hương lộ 6, sau đó đi đến nơi san lấp mặt bằng.

- Công suất của dự án:

+ Vận chuyển từ khu vực cải tạo đến khu bãi tập kết: Tối đa khoảng 3.011,11 m³/tháng.

+ Vận chuyển từ khu vực cải tạo đến nơi san lấp mặt bằng: Tối đa khoảng 1.290,48 m³/tháng.

+ Vận chuyển từ khu vực bãi tập kết tạm đến nơi san lấp mặt bằng: tối đa khoảng 1.368,68 m³/tháng.

** Phạm vi phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án không bao gồm việc xác định nghĩa vụ tài chính về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường.*

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình:

- Khu đất cải tạo: Bố trí máy đào, ô tô tự đổ để thực hiện cải tạo, vận chuyển; không xây dựng hạng mục công trình.

- Khu vực bãi tập kết tạm: Thuê đất hộ dân Lê Văn Bé Mười (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 41), diện tích 3.584,2 m²; không xây dựng hạng mục công trình.

1.3.2. Các hoạt động chính của Dự án: Cải tạo khu vực đất trồng lúa và vận chuyển vật liệu dôi dư sau cải tạo đến khu vực bãi tập kết tạm để cung cấp cho khách hàng phục vụ san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động cải tạo, vận chuyển, tập kết: Phát sinh bụi, khí thải từ phương tiện thi công, chất thải rắn (rơi vãi từ quá trình vận chuyển).

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân: Chủ yếu rác thải sinh hoạt.

- Hoạt động sửa chữa phương tiện: Chủ yếu phát sinh chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

+ Nước mưa chảy tràn: Không liên tục, chỉ phát sinh vào ngày mưa; có khả năng mang chất ô nhiễm thoát ra các tuyến kênh tiếp giáp gây ảnh hưởng chất lượng nguồn nước.

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân; tuy nhiên Dự án không bố trí lưu trữ, sinh hoạt nên không phát sinh nước thải sinh hoạt tại khu vực Dự án.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Phát sinh từ phương tiện thi công, vận chuyển; mang tính chất phân tán, không liên tục; thành phần chủ yếu là bụi vô cơ, hữu cơ, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (CO, NO_x, SO_x,...).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân; thành phần bao gồm: các loại bao bì, vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa,... tổng khối lượng phát sinh 4,5 kg/ngày.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn thông thường: Chủ yếu là vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển; ước tính tổng khối lượng

phát sinh 150 kg/ngày; có khả năng gây trơn trượt trên các tuyến đường nội bộ (vào mùa mưa) và phát sinh bụi (vào mùa khô).

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải nguy hại: Phát sinh từ quá trình sử dụng, sửa chữa phương tiện thi công, vận chuyển; thành phần bao gồm: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt; tổng khối lượng phát sinh khoảng 264 kg.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Phát sinh từ hoạt động của phương tiện hạ độ cao (máy đào), phương tiện vận chuyển (ô tô tự đổ).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

Các tác động do rủi ro, sự cố trong quá trình thi công Dự án như: Sạt lở, hư hỏng đường bờ kênh; rò rỉ dầu nhớt từ phương tiện thi công, vận chuyển; an toàn lao động và an toàn giao thông đường bộ trên các tuyến bờ kênh, Hương lộ 6.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn:

+ Không thi công vào những thời điểm có mưa.

+ Nước mưa chảy tràn tại khu đất cải tạo được lưu chứa trong phạm vi bờ bao các thửa đất và thoát theo cao trình tự nhiên ra tuyến kênh nội đồng.

+ Nước mưa chảy tràn tại khu bãi tập kết: Thẩm tự nhiên, chảy tràn theo cao trình về phần đất còn lại của khu bãi tập kết và thoát ra kênh nội đồng.

+ Phương tiện máy đào, ô tô tự đổ được che chắn cẩn thận khi có mưa. Kiểm tra thường xuyên các phương tiện, tránh rò rỉ dầu nhớt để hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn trôi và gây ô nhiễm.

+ Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy và thùng chứa chất thải nguy hại được bố trí trong khu vực có mái che kín, đảm bảo nước mưa không chảy tràn vào.

- Nước thải sinh hoạt: Tại khu vực Dự án không phát sinh nước thải sinh hoạt nên không bố trí công trình thu gom, xử lý; thực hiện tuyên truyền cho công nhân ý thức giữ gìn vệ sinh tại khu vực Dự án; thuê/thỏa thuận sử dụng nhà vệ sinh với nhà dân gần khu vực Dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng phương tiện cải tạo, vận chuyển đảm bảo các yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

- Các phương tiện vận chuyển đúng với tải trọng quy định, che chắn kín trong quá trình vận chuyển. Định kỳ vệ sinh phương tiện vận chuyển sau mỗi ca làm việc (phun xịt nước rửa đất, cát bám vào bánh xe, thân xe,...).

- Phun nước để giảm bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển và khu tập kết; tần suất thực hiện đảm bảo luôn duy trì độ ẩm bề mặt, không phát sinh bụi.

- Lắp đặt lưới chắn bụi cao khoảng 2,5 m tại bãi tập kết tạm (phía Tây).

- Bố trí nhân viên vệ sinh bánh xe trước khi phương tiện di chuyển ra khỏi khu vực cải tạo hoặc bãi tập kết tạm; thu gom vật liệu rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển (nếu có).

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc theo quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 04 thùng chứa (02 thùng bố trí tại khu vực cải tạo, 02 thùng bố trí tại khu vực bãi tập kết tạm); hàng ngày công nhân tập kết rác vào thùng rác công cộng trong khu vực và thực hiện nghĩa vụ phí vệ sinh thu gom rác sinh hoạt theo quy định.

- Đất, cát rơi vãi từ quá trình vận chuyển: Phương tiện vận chuyển che chắn kín; thực hiện vệ sinh bánh xe các phương tiện vận chuyển; bố trí nhân viên vệ sinh, thu gom toàn bộ khối lượng rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển (nếu có).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom chất thải nguy hại phát sinh.

- Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại theo thành phần phát sinh, khu vực lưu giữ (diện tích 2,0 m²) tại trụ sở của Chủ dự án (ấp Lưu Tư, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh).

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đảm bảo công tác quản lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Các phương tiện sử dụng đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Thực hiện hoạt động cải tạo, vận chuyển trong khoảng thời gian: Sáng (07 giờ - 11 giờ), chiều (13 giờ - 17 giờ).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Thực hiện các giải pháp cải tạo, vận chuyển, tập kết đảm bảo an toàn lao động, an ninh trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thực hiện gia cố, khắc phục sạt lở bờ kênh (tuyến đường vận chuyển), khu vực bãi tập kết tạm nếu xảy ra sự cố sạt lở.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn

- Số lượng mẫu giám sát: 06 mẫu.
- Vị trí giám sát:
 - + 01 điểm tại khu vực đang diễn ra hoạt động cải tạo, ký hiệu KK1.
 - + 01 điểm trên tuyến vận chuyển (kênh Hai Quẩn), ký hiệu KK2.
 - + 01 điểm trên tuyến vận chuyển (Điểm giao giữa kênh Tây (Ô Na) và kênh Huyện Hội 8), ký hiệu KK3.
 - + 01 điểm trên tuyến vận chuyển (Điểm giao giữa kênh Giồng Gòn và kênh Huyện Hội 8), ký hiệu KK4.
 - + 01 điểm tại bãi tập kết, ký hiệu KK5.
 - + 01 điểm ngay tại ngã 3 giữa Hương lộ 6 và bờ trái kênh Huyện Hội 8, ký hiệu KK6.
- Tần suất giám sát: Trong thời điểm thi công, tần suất 06 tháng/lần (Đối với vị trí KK1, KK2, KK3, KK4 chỉ quan trắc 01 lần trong giai đoạn cải tạo đất nông nghiệp).
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thành phần giám sát: Chất thải rắn sinh hoạt, vật liệu rơi vãi và chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: Khối lượng, công tác thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý tại khu vực Dự án.

5.3. Quan trắc, giám sát môi trường khác

- Vị trí giám sát:
 - + Bờ bao xung quanh khu vực các thửa đất cải tạo, bãi tập kết tạm.
 - + Các tuyến bờ kênh được sử dụng làm tuyến đường vận chuyển gồm: kênh Hai Quẩn, kênh Tây (Ô Na), kênh Giồng Gòn, kênh Huyện Hội 8.
- Nội dung giám sát: Hiện trạng bờ bao, bờ kênh.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác: Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chịu trách nhiệm pháp lý về các số liệu đã sử dụng, thông tin về Dự án trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.2. Thực hiện việc cải tạo đất nông nghiệp theo đúng phương án đã được Ủy ban nhân dân huyện Càng Long phê duyệt tại Công văn: số 3210/UBND-KT, số 3212/UBND-KT, số 3213/UBND-KT cùng ngày 30 tháng 10 năm 2023 và chấp thuận điều chỉnh tại các Công văn: số 1097/UBND-KT ngày 05 tháng 4 năm 2024, số 1230/UBND-KT, số 1231/UBND-KT cùng ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Công văn số 4493/UBND-NN ngày 20 tháng 12 năm 2024.

6.3. Trong quá trình thực hiện phải theo dõi, giám sát chặt chẽ công tác thi công, thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để quản lý chất thải từ hoạt động thi công (nước mưa chảy tràn, chất thải rắn, bụi, khí thải, chất thải nguy hại,...), đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường, phòng ngừa, giảm thiểu những tác động đến khu vực xung quanh (giao thông, an ninh trật tự, cháy nổ, sạt lở bờ kênh, an toàn giao thông,...).

6.4. Phân loại, thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ dự án thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, trước khi kết thúc dự án gửi cơ quan quản lý theo đúng quy định.

6.5. Chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về khai thác khoáng sản; an toàn giao thông; sử dụng công trình thủy lợi phục vụ Dự án (sử dụng bờ kênh, bố trí cầu tạm) và các quy định khác có liên quan khi triển khai Dự án; chỉ cung cấp vật liệu phục vụ san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh và chỉ cung cấp cho phương tiện đảm bảo đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường.

6.6. Thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường; phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình quản lý, giám sát môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

6.7. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, sức khỏe của công nhân, hoạt động sinh hoạt và sản xuất của các hộ dân xung quanh khu vực Dự án thì phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo, phối hợp xử lý; thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định (nếu có)./.